

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải**

(Tiếp theo Công báo số 357 + 358)

PHỤ LỤC 69

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 2

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

- Có trình độ tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1;

- Có trình độ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 2/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của khóa học tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2 theo Chương trình mẫu của IMO là: Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của sỹ quan boong mức vận hành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu bằng tiếng Anh hàng hải chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến bộ phận boong trên tàu;

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể giao tiếp ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận boong như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Phân biệt được các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ tiền trung cấp;

- Áp dụng được các kiến thức về từ vựng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp được sử dụng trên tàu như thời tiết, nhân sự bộ phận boong, các công việc trên buồng lái, trên boong;

- Áp dụng được các kiến thức về ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Cho thấy khả năng nghe được những thông tin đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới thời tiết, nhân sự bộ phận boong, các công việc trên buồng lái, trên boong;

- Cho thấy khả năng đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành của bộ phận boong trên tàu;

- Cho thấy khả năng giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, công việc liên quan đến bộ phận boong trên tàu;

- Cho thấy khả năng viết đoạn văn có độ dài trung bình (khoảng 150 từ) có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc có liên quan đến công việc của bộ phận boong trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ tiên trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;

- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ tiên trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 10

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 104 giờ; Thực hành: 40 giờ; Kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)			Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	
1	Mô tả điều kiện thời tiết; hiểu dự báo thời tiết; dự đoán mối nguy hiểm.	14	10	4	
2	Báo cáo các sự việc của chuyến đi trước. Báo cáo sự cố xảy ra trên biển; mô phỏng các cuộc đàm thoại trên VHF để thông tin liên lạc về các tình huống khẩn cấp và báo nạn	14	10	4	
3	Giải thích về thương tật cá nhân trên biển; yêu cầu trợ giúp y tế; Bộ luật quốc tế mã thư	14	10	4	
4	Kiểm tra việc hoàn thành nhiệm vụ đối với các hoạt động thường nhật trên tàu;	14	10	4	

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)			Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	
	liên lạc VHF về tiếp nhận nhiên liệu				
5	Liên lạc với bên ngoài thông qua văn bản và lời nói để yêu cầu và đưa lời khuyên	14	10	4	
6	Kiểm tra giữa khóa	3			3 Viết, vấn đáp, trắc nghiệm
7	Hiểu chỉ thị và đưa ra giải thích; thực hành quy trình trao đổi thông tin trên VHF	14	10	4	
8	Thảo luận về các sự kiện tương lai; lập kế hoạch tương lai.	14	10	4	
9	Thể hiện sự hiểu biết đối với các yêu cầu về tiếng Anh trong Công ước STCW 1978 và các sửa đổi; nhận thức và dành ưu tiên cho các kỹ năng học ngôn ngữ; đánh giá nhu cầu học ngôn ngữ của bản thân.	14	10	4	
10	Thảo luận và xác nhận việc bố trí đi lại để nhập tàu; miêu tả các bước chuẩn bị để rời cảng.	14	10	4	

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)			Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	
11	Miêu tả các thủ tục ở sân bay quốc tế; thể hiện sự hiểu biết về các tập quán văn hóa của các quốc tịch khác nhau; miêu tả các sự cố xảy ra trên bờ và trên tàu; viết báo cáo về các sự cố trên tàu.	14	10	4	
12	Ôn tập	4	4	0	
13	Đánh giá cuối khóa	3			Viết, vấn đáp, trắc nghiệm
Tổng cộng		150	104	40	6

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ;

- Nội dung đánh giá:

+ Kiến thức ngữ pháp trình độ tiền trung cấp;

+ Miêu tả điều kiện thời tiết, dự báo thời tiết và các mối nguy hiểm;

+ Miêu tả chuyên đi trước, báo cáo sự cố xảy ra trên biển;

+ Mô phỏng các cuộc đàm thoại trên VHF để trao đổi thông tin về các tình huống khẩn cấp và báo nạn, tiếp nhiên liệu;

+ Các thương tật cá nhân trên biển;

+ Các sự kiện, kế hoạch tương lai;

+ Miêu tả các bước chuẩn bị để rời cảng;

+ Miêu tả các thủ tục ở sân bay quốc tế;

+ Miêu tả các sự cố xảy ra trên bờ và trên tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Deck department) đạt từ 70% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

- Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải;

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tiêu chuẩn trang thiết bị huấn luyện và tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17 và các tài liệu liên quan khác.

PHỤ LỤC 70**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 3**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 3.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

- Có trình độ tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2;

- Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 3/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

- Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của sỹ quan boong ở mức trách nhiệm quản lý.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể phân biệt được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu bằng tiếng Anh hàng hải về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến bộ phận boong trên tàu;

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể giao tiếp ở mức độ trung cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận boong như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Phân loại được các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp.
- Chỉ ra được sự khác biệt các kiến thức về từ vựng tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ trung cấp được sử dụng trên tàu như an toàn và rủi ro ở nơi làm việc, điều kiện khí tượng thủy văn, các quy trình trên tàu, các thông tin liên lạc nói và viết;
- Phân loại các kiến thức về ngữ âm ở trình độ trung cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện phối hợp các kỹ năng nghe được những thông tin đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới an toàn và rủi ro ở nơi làm việc, điều kiện khí tượng thủy văn, các quy trình trên tàu, các thông tin liên lạc nói và viết;
- Thực hiện phối hợp các kỹ đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành của bộ phận boong trên tàu như báo cáo hư hỏng, các quy trình trên tàu, giấy tờ tài liệu của tàu và các biên bản giám định, thông báo cho các bên liên quan về việc sửa chữa;
- Thực hiện phối hợp các kỹ năng giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc của bộ phận boong trên tàu như cuộc thông tin liên lạc trên VHF và điện thoại, liên lạc để ứng phó khẩn cấp;
- Thực hiện phối hợp các kỹ viết bài luận có độ dài trung bình khoảng 250 từ, có tính liên kết về các chủ đề liên quan đến công việc của bộ phận Boong trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;
- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 1
- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 100 giờ; thực hành: 44 giờ; kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Thảo luận về các khía cạnh về an toàn và rủi ro ở nơi làm việc; đưa ra cảnh báo và lời khuyên liên quan đến an toàn lao động trên tàu; miêu tả công việc sửa chữa và bảo dưỡng.	14	10	4		
2	Miêu tả các điều kiện khí tượng thủy văn; giải thích bản đồ khí tượng và các thông tin khí tượng thủy văn; đưa ra các cảnh báo hàng hải; báo cáo hư hỏng do thời tiết xấu trên biển gây ra; miêu tả các quy trình để tồn tại trên biển.	14	10	4		
3	Miêu tả các quy trình trên tàu.	14	10	4		
4	Hiểu và đáp lại các thông tin liên lạc nói và viết; phân tích các vấn đề trên tàu và gợi ý các giải pháp thích hợp bằng lời và bằng	14	10	4		

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
	văn bản; hiểu và đưa ra các mẫu giấy tờ tài liệu của tàu và các biên bản giám định; thông báo cho các bên liên quan về việc sửa chữa.					
5	Thể hiện sự nhận thức về các vấn đề về giao thoa văn hóa ảnh hưởng tới công việc theo nhóm trên biển như thế nào; miêu tả các tiêu chuẩn dự kiến về công việc và hành vi trên biển.	14	10	4		
6	Hiểu và tham gia vào các cuộc thông tin liên lạc trên VHF và điện thoại; làm sáng tỏ những hiểu nhầm trong thông tin liên lạc; nhận và chuyển các thông tin một cách chính xác.	14	10	4		
7	Kiểm tra giữa khóa	3			3	Vấn đáp/ viết/trắc nghiệm
8	Báo cáo các sự cố mới xảy ra; miêu tả các nguyên tắc trực ca và phòng ngừa an toàn phải tuân thủ trong 1 ca trực; mô	14	10	4		

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
	phỏng việc giao ca, dự đoán các sự cố có thể xảy ra; lập ra các bản tường trình.					
9	Đưa ra các cảnh báo về các vấn đề tiềm ẩn của ô nhiễm hàng hải; giải thích Công ước quốc tế về phòng ngừa ô nhiễm biển MARPOL liên quan đến bảo vệ môi trường biển; miêu tả các quy trình phòng tránh ô nhiễm.	14	10	4		
10	Suy đoán về các tình huống giả thuyết; đánh giá các phối cảnh khác nhau về 1 vấn đề và khuyến nghị hành động thích hợp; miêu tả các quy trình ứng phó khẩn cấp; đưa ra các hướng dẫn cho hành khách trong trường hợp khẩn cấp.	14	10	4		
11	Suy luận về các nguyên nhân có thể của các sự cố; đưa ra và giải thích các nguyên nhân về hỏng hóc và sai sót.	14	10	4		

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
12	Đánh giá cuối khóa	7			7	Vấn đáp/ viết/trắc nghiệm
Tổng cộng		150	100	40	10	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ;

- Nội dung đánh giá:

Học viên làm bài kiểm tra tiếng Anh hàng hải trình độ 3 (Lái) về những nội dung sau:

+ Thảo luận về các khía cạnh về an toàn và rủi ro ở nơi làm việc;

- + Miêu tả các điều kiện khí tượng thủy văn;
- + Miêu tả các quy trình trên tàu;
- + Hiểu và đáp lại các thông tin liên lạc nói và viết;
- + Thể hiện sự nhận thức về các vấn đề về giao thoa văn hóa;
- + Hiểu và tham gia vào các cuộc thông tin liên lạc trên VHF và điện thoại;
- + Báo cáo các sự cố mới xảy ra;
- + Đưa ra các cảnh báo về các vấn đề tiềm ẩn của ô nhiễm hàng hải;
- + Suy đoán về các tình huống giả thuyết;
- + Suy luận về các nguyên nhân có thể của các sự cố.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Deck department) đạt từ 80% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 3.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

- Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải.

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17.

PHỤ LỤC 71**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 1**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

Có trình độ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 1/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo/huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của khóa học tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1 theo Chương trình mẫu của IMO là: Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của thợ máy.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể hiểu được các câu và đoạn hội thoại ngắn được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về bản thân, công việc). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày và trong công việc;

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể giao tiếp ở mức độ sơ cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận máy như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Phân biệt được các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ sơ cấp;
- Hiểu được các kiến thức về từ vựng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp được sử dụng trên tàu như thông tin cá nhân, sở thích cá nhân, tên các bộ phận của cơ bản của con tàu, trong khu vực buồng máy, các hoạt động thường nhật trên tàu;
- Hiểu được các kiến thức về ngữ âm ở trình độ sơ cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thể hiện khả năng nghe các cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày về bản thân và công việc trong buồng máy khi được diễn đạt chậm và rõ ràng;
- Thể hiện khả năng đọc các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hàng ngày;
- Thể hiện khả năng phát âm tương đối chính xác về âm, trọng âm, ngữ điệu câu trong các đoạn thông báo ngắn; thể hiện khả năng giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến cá nhân và công việc của bộ phận máy trên tàu;
- Thể hiện khả năng phát viết được câu văn mô tả hoặc đoạn văn đơn giản có độ dài ngắn (70 - 80 từ) theo các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, công việc liên quan đến bộ phận máy trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ sơ cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;
- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ sơ cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 1
- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 100 giờ; Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Hỏi và trả lời thông tin cá nhân	14	10	4		
2	Miêu tả nhiệm vụ thuyền viên và công việc thường nhật	14	10	4		
3	Kể tên các loại tàu; mô tả các phần của một con tàu	14	10	4		
4	Tên các vị trí trên tàu; hỏi và trả lời về phương hướng trên tàu và trên bờ; mô tả vị trí và mục đích của thiết bị an toàn	14	10	4		
5	Diễn tả sở thích và không thích của cá nhân; thảo luận về các hoạt động thường nhật trên tàu; thảo luận về đồ ăn trên tàu	14	10	4		
6	Mô tả các hoạt động thường nhật trên tàu; mô tả nhiệm vụ trực ca; hiểu các khẩu lệnh máy tiêu chuẩn; hiểu các mệnh lệnh trong tình huống khẩn cấp trên tàu	14	10	4		
7	Kiểm tra giữa khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm
8	Mô tả chi tiết tàu; mô tả thiết bị	14	10	4		

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành	Thi/kiểm tra hết học phần	
9	Giải thích các tình huống tai nạn trên tàu; yêu cầu trợ giúp y tế	14	10	4		
10	Mô tả hoạch tương lai; tầm quan trọng, yêu cầu năng lực tiếng Anh đối với thợ máy	14	10	4		
11	Mô tả thời tiết; dự báo thời tiết; mô tả an toàn trên tàu và trong khu vực máy	14	10	4		
12	Đánh giá cuối khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm
Tổng cộng		150	100	44	6	

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ;

- Nội dung đánh giá:

Học viên làm bài kiểm tra tiếng Anh chuyên ngành máy về những nội dung sau:

+ Hỏi và trả lời thông tin cá nhân;

+ Miêu tả nhiệm vụ thuyền viên và công việc thường nhật;

+ Kể tên các loại tàu; mô tả các phần của một con tàu; vị trí trên tàu;

+ Mô tả các hoạt động thường nhật trên tàu; mô tả nhiệm vụ trực ca; hiểu các khẩu lệnh máy tiêu chuẩn; hiểu các mệnh lệnh trong tình huống khẩn cấp trên tàu;

+ Mô tả hoạch tương lai; tầm quan trọng, yêu cầu năng lực tiếng Anh đối với thợ máy;

+ Mô tả an toàn trên tàu và trong khu vực máy.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Engineering department) đạt từ 65% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải.

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tiêu chuẩn trang thiết bị huấn luyện và tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17 và các tài liệu tham khảo liên quan khác.

PHỤ LỤC 72**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 2**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

- Có chứng chỉ tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1;

- Có trình độ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 2/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của khóa học tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2 theo Chương trình mẫu của IMO là: Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của sỹ quan máy mức vận hành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu bằng tiếng Anh hàng hải chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến bộ phận máy trên tàu;

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể giao tiếp ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận máy như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Phân loại được các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ tiền trung cấp;
- Áp dụng các kiến thức về từ vựng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp được sử dụng trên tàu như thời tiết, nhân sự bộ phận máy, các công việc buồng máy, sự cố máy;
- Áp dụng các kiến thức về ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Cho thấy khả năng nghe được những thông tin đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới thời tiết, nhân sự bộ phận máy, các công việc buồng máy, sự cố máy;

- Cho thấy khả năng đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành của bộ phận máy trên tàu;

- Cho thấy khả năng giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, công việc của bộ phận máy trên tàu;

- Cho thấy khả năng viết đoạn văn có độ dài trung bình (khoảng 150 từ) có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc có liên quan đến công việc của bộ phận máy trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;

- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 1

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 100 giờ; Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Minh họa nhân sự buồng máy; phân biệt chức trách, nhiệm vụ của các thủy thủ buồng máy	14	10	4		
2	Trình bày nguyên lý hoạt động của hệ động lực tàu thủy	14	10	4		
3	Giải thích sự lựa chọn các vật liệu cho máy móc; phân loại đặc tính của các vật liệu được sử dụng trên tàu	14	10	4		
4	Giải thích nguyên lý hoạt động của động cơ đi-ê-zen 2 kỳ, 4 kỳ	14	10	4		
5	Giải thích các bước trong 1 quy trình làm việc; miêu tả máy móc hoạt động của máy chính	14	10	4		
6	Giải thích nguyên lý hoạt động của máy phụ tàu thủy	14	10	4		
7	Kiểm tra giữa khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
8	Giải thích nguyên lý hoạt động của máy lái; máy phát điện tàu thủy	14	10	4		
9	Phân loại các hệ thống tàu thủy: hệ thống nhiên liệu, hệ thống làm mát	14	10	4		
10	Phân loại các hệ thống tàu thủy: hệ thống dầu bôi trơn; sự cố máy chính	14	10	4		
11	Đánh giá cuối khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm
Tổng cộng		150	100	44	6	

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ;

- Nội dung đánh giá:

Học viên làm bài kiểm tra tiếng Anh chuyên ngành máy về những nội dung sau:

+ Minh họa nhân sự buồng máy; phân biệt chức trách, nhiệm vụ của các thủy thủ buồng máy;

+ Trình bày nguyên lý hoạt động của hệ động lực tàu thủy;

+ Giải thích sự lựa chọn các vật liệu cho máy móc; phân loại đặc tính của các vật liệu được sử dụng trên tàu;

+ Giải thích nguyên lý hoạt động của động cơ đi-ê-zen 2 kỳ, 4 kỳ;

+ Giải thích các bước trong 1 quy trình làm việc; miêu tả máy móc hoạt động của máy chính;

+ Giải thích nguyên lý hoạt động của máy phụ tàu thủy, máy lái; máy phát điện tàu thủy;

+ Phân loại các hệ thống tàu thủy.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Engineering department) đạt từ 70% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

- Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải;

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17 và các tài liệu tham khảo liên quan khác.

PHỤ LỤC 73**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 3**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 3.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

- Có trình độ tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2;

- Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 3/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của khóa học tiếng Anh hàng hải trình độ 3 theo Chương trình mẫu của IMO là: Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của sỹ quan máy ở mức trách nhiệm quản lý.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể phân biệt được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu bằng tiếng Anh hàng hải về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến bộ phận máy trên tàu;

- Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể giao tiếp ở mức độ trung cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận máy như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Chỉ ra được sự khác biệt các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp;
- Phân loại được các kiến thức về từ vựng tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ trung cấp được sử dụng trên tàu như công việc bảo dưỡng và sửa chữa, an toàn khi làm việc trong buồng máy, miêu tả các hỏng hóc máy móc và sửa chữa, bảo dưỡng phòng ngừa hỏng hóc, ô nhiễm hàng hải, bảo vệ môi trường biển; miêu tả các quy trình phòng tránh ô nhiễm;
- Phân loại được các kiến thức về ngữ âm ở trình độ trung cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện phối hợp các kỹ năng nghe các đoạn hội thoại, giao tiếp có liên quan đến chuyên ngành về các chủ đề liên quan tới công việc bảo dưỡng và sửa chữa, an toàn khi làm việc trong buồng máy, miêu tả các hỏng hóc máy móc và sửa chữa, bảo dưỡng phòng ngừa hỏng hóc, ô nhiễm hàng hải, bảo vệ môi trường biển; miêu tả các quy trình phòng tránh ô nhiễm;
- Thực hiện phối hợp các kỹ năng đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành của bộ phận máy trên tàu;
- Thực hiện phối hợp các kỹ năng nói tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến công việc của bộ phận máy trên tàu;
- Thực hiện phối hợp các kỹ viết bài luận có độ dài trung bình khoảng 250 từ, có tính liên kết về các chủ đề liên quan đến công việc của bộ phận máy trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;
- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 1
- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 100 giờ; Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

Stt	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Tổ chức quy trình làm thủ tục ở sân bay quốc tế; thể hiện sự hiểu biết các quy tắc văn hóa khác nhau giữa các quốc gia; miêu tả tai nạn trên bờ, trên tàu; viết báo cáo tai nạn, sự cố	14	10	4		
2	Minh họa các bước chuẩn bị buồng máy cho tàu ra vào cảng					
3	Phân tích các xử lý sự cố máy chính trong buồng máy	14	10	4		
4	Phân loại các an toàn và nguy cơ nơi làm việc; đưa ra lời cảnh báo, lời khuyên liên quan đến an toàn lao động trên tàu; lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa					
5	Phân biệt các loại phòng tránh tai nạn; yêu cầu bảo dưỡng trang thiết bị máy; trợ giúp y tế trong tình huống khẩn cấp	14	10	4		

Stt	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
6	Phân loại các sự cố; quy tắc trực ca; Phân tích nguy cơ xảy ra và viết báo cáo	14	10	4		
7	So sánh xu hướng toàn cầu trong vận tải biển; các biện pháp đảm bảo an ninh tàu biển	14	10	4		
8	Kiểm tra giữa khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm
9	Phân biệt được các giao tiếp bằng văn bản và bằng lời nói bằng tiếng Anh; Xác định vấn đề trên tàu và đưa ra các giải pháp; phân loại các sự cố trên tàu và cảnh báo các bên liên quan	14	10	4		
10	Phân tích các vấn đề giao thoa văn hóa trên tàu; Giải thích các tiêu chuẩn ứng xử trên tàu	14	10	4		
11	Lựa chọn đưa ra các cảnh báo ô nhiễm môi trường biển; Giải thích	14	10	4		

Stt	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
	các quy định của MARPOL liên quan đến bảo vệ môi trường biển, các quy định phòng tránh ô nhiễm					
12	Phân tích các sự cố có thể xảy ra; giải thích lý do cho hỏng hóc máy móc	14	10	4		
13	Đánh giá cuối khóa	3			3	Vấn đáp, hoặc viết, hoặc trắc nghiệm
Tổng cộng		150	100	44	6	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt.

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ

- Nội dung đánh giá:

Học viên làm bài kiểm tra tiếng Anh chuyên ngành máy về những nội dung sau:

+ Thể hiện sự hiểu biết các quy tắc văn hóa khác nhau giữa các quốc gia; miêu tả tai nạn trên bờ, trên tàu; viết báo cáo tai nạn, sự cố;

+ Minh họa các bước chuẩn bị buồng máy cho tàu ra vào cảng;

+ Phân tích các xử lý sự cố máy chính trong buồng máy;

+ Phân loại các an toàn và nguy cơ nơi làm việc; đưa ra lời cảnh báo, lời khuyên liên quan đến an toàn lao động trên tàu; lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa;

+ Phân biệt các loại phòng tránh tai nạn; yêu cầu bảo dưỡng trang thiết bị máy; trợ giúp y tế trong tình huống khẩn cấp;

+ So sánh xu hướng toàn cầu trong vận tải biển; các biện pháp đảm bảo an ninh tàu biển;

+ Phân tích các vấn đề giao thoa văn hóa trên tàu; giải thích các tiêu chuẩn ứng xử trên tàu;

+ Lựa chọn đưa ra các cảnh báo ô nhiễm môi trường biển; giải thích các quy định của MARPOL liên quan đến bảo vệ môi trường biển, các quy trình phòng tránh ô nhiễm;

+ Phân tích các xử lý sự cố máy chính trong buồng máy; giải thích lý do cho hỏng hóc máy móc.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Engineering department) đạt từ 80% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 3.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

- Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải.

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17 và các tài liệu tham khảo liên quan khác.